

Bản án số: 290/2024/HS-PT

Ngày: 12/4/2024.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Lê Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2023/HS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Nguyễn Minh T, sinh năm 2003 tại Nam Định; nơi ĐHKHTT: Thôn M, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh S và bà Nguyễn Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

- Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19 ngày 07/06/2020 của Công an xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định phạt 750.000 đồng về hành vi: Không kê khai và đăng ký đầy đủ các loại vũ khí với cơ quan có thẩm quyền. Bị cáo chưa chấp hành;

- Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10 ngày 04/02/2021 của Công an huyện K, tỉnh Gia Lai phạt 2.500.000 đồng về hành vi: Xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo chấp hành xong ngày 05/02/2021;

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bắc Ninh phạt 3.000.000 đồng về hành vi: Không giao nộp vũ khí. Bị cáo chấp hành xong ngày 05/08/2021;

+ Tại Bản án số 124/2023/HS-ST ngày 24/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt Lê Nguyễn Minh T hình phạt tử hình về tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình

phạt, buộc Lê Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là tử hình.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Văn V - Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

Bị hại:

1. Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1999. Nơi ĐKKHKT: Đội 5, A, Đ, Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1990 (đã chết). Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp cho bị hại Vũ Văn T2: Chị Trần Thị Hoài L, vợ anh T2, sinh năm 1996, trú quán: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú (HKTT): Số A, đường M, Đ, T, Bắc Ninh là chủ quán K1 (quán K1), địa chỉ: Số A, đường M, khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh và Hotel H, địa chỉ: Số B, ngõ C, khu phố M, phường Đ, thành phố T, quán K1 và Hotel H nối thông với nhau, cửa mở về 2 mặt phố. Ngày 27/12/2022, anh T3 thỏa thuận cho anh Vũ Văn T2, sinh 1990, HKTT: Tổ A, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng thuê quán K1. Anh T2 có nghĩa vụ sửa chữa quán K1 và xin cấp phép để kinh doanh Karaoke. Anh T3 đồng ý cho anh T2 ở Hotel H trong thời gian sửa chữa quán. Trong quá trình sửa chữa, anh T2 có thuê một số nhân viên quán K1 trông coi và quản lý tài sản.

Trước khi anh T2 thuê quán K1 thì ông Lê Minh S sinh năm 1964, HKTT: 6/3/122, đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định và con ông S là Lê Nguyễn Minh T sinh ngày 06/01/2003, quê quán: Xã C, huyện L, tỉnh Nam Định; HKTT: Thôn Q (nay là thôn M), xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định đang làm thuê cho quán K1 cùng một số người trong đó có anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1999, HKTT: Đội 5, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình làm việc tại quán K1, T nghi ngờ anh T2, anh T1 và anh Nguyễn Văn V1 sinh năm 2001 là bạn T, HKTT: Xã H, huyện V, tỉnh Nam Định có hành vi hãm hại T và gia đình T. Theo T khai: Anh T2 đe dọa sẽ giết T nếu T không nghe lời và chống đối; trong cuộc sống hàng ngày anh T2, anh T1 thường có lời nói xúc phạm, cạnh khóe T. Khoảng đầu tháng 12/2022 T đến cửa khẩu T10, tỉnh Lạng Sơn mua được của một người không quen biết 01 khẩu súng Colt 45 và khoảng 16 viên đạn với giá 40 triệu đồng; 01 khẩu súng thể thao kèm 206 viên đạn chì với giá 15 triệu đồng. T cất giấu khẩu súng Colt 45 cùng đạn ở khu vực gốc cây đa, phía trước Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, cách quán K1 khoảng 300 mét còn khẩu súng thể thao và đạn dùng cho súng, T cất giấu trong phòng T trọ ở khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 12/01/2023, anh V1 và anh Nguyễn Văn P sinh năm 2002 là người cùng thôn với anh V1 cũng là bạn

T gọi điện thoại mời T về thành phố N chơi, T đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày T đến vị trí giấu khẩu súng C và đạn lấy toàn bộ súng, đạn mang về quán K1 cất giấu súng vào trong ba lô, cho đạn vào túi quần bên trái rồi đi taxi đến thành phố N. Khi T gặp anh P, anh V1 thì xảy ra mâu thuẫn giữa T với anh V1. T sử dụng khẩu súng mang theo bắn 02 phát đạn vào đầu anh V1 làm anh V1 chết tại chỗ. Sau khi bắn chết anh V1, T nạp đạn vào súng, cài, giấu súng vào cặp quần bên phải rồi bắt xe taxi đi thành phố T. Khoảng 23 giờ 30' cùng ngày, T về đến quán K1 gọi cửa thì được anh Đoàn Quang T4, sinh năm 1997, HKTT: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là nhân viên của quán mở cửa cho T vào. T vào quán, đi đến quầy thu ngân (quầy bar) tầng 1 Hotel H. Tại đây anh T2 đang ngồi ở ghế, bên trong quầy bar, vợ anh T2 là chị Trần Thị Hoài L, sinh năm 1996 đang ngồi ở ghế bên trái anh T2. T tiến đến đứng sát bên ngoài quầy bar hỏi anh T2: “*Em có sai gì với anh không?*”, anh T2 nói: “*Ngáo à*”, T bảo: “*Em hỏi thật lòng*”, anh T2 trả lời: “*Tao có phải trẻ con với mày đâu*”, thì T dùng tay phải rút súng từ cặp quần ra, chuyển súng sang cầm bằng tay trái, chĩa nòng súng vào đầu anh T2, lúc này anh T2 vẫn ngồi trên ghế nói chuyện với T. Khoảng 2 đến 3 phút sau T hỏi anh T2: “*Đến phút chót rồi anh có điều gì muốn nói nữa không?*”, anh T2 quay lại cười, T siết cò súng, bắn thẳng vào đầu anh T2 01 phát đạn, anh T2 gục xuống, ngoẹo sang một bên trên ghế. T lùi lại dùng tay phải tiếp tục lên đạn. Lúc này, chị L quỳ xuống ôm anh T2 khóc, van xin T. Sau khi lên đạn, T cầm súng đi đến gần vị trí anh T2, quát bảo chị L đi ra ngoài và tiếp tục hướng nòng súng vào đầu anh T2 siết cò nhưng súng không nổ, T lùi lại tháo hộp tiếp đạn ra nạp đạn; lúc này anh Nguyễn Tuấn L1, sinh năm 2002, HKTT: Khu G, N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Phạm Bách T5, sinh năm 1987, ở thôn A, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Vũ Hồng S2, sinh năm 1999, HKTT: Thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là nhân viên làm tại quán K1 chạy từ tầng 4 và tầng 2 xuống đến cầu thang tầng 1 nhìn thấy T đang cầm súng, anh T2 ngoẹo cổ trên ghế còn chị L1 đang kêu khóc nên chạy ngược lên tầng trên trốn vào trong phòng khoá cửa lại, anh S2 trốn vào trong nhà vệ sinh tầng 1. Sau khi nạp được đạn vào súng, T tiếp tục hướng nòng súng vào đầu anh T2 đang trong tư thế ngồi ngoẹo đầu trên ghế siết cò, bắn tiếp phát thứ 2 vào đầu anh T2. Sau đó T quan sát màn hình Camera giám sát ở tầng 1 tìm kiếm anh T1 nhưng do anh T1 đã nghe thấy tiếng súng nổ và qua Camera giám sát ở tầng 4, anh T1 nhìn thấy T cầm súng chĩa vào đầu anh T2, anh T2 đang nằm ngực trên ghế, chị L1 đang ôm anh T2, đồng thời anh Tuấn L1 và anh Chu Văn Đ sinh năm 1998, HKTT: Thôn G, Minh T6, Minh H, H, Tuyên Q cũng là nhân viên của quán chạy từ tầng dưới lên hô: “*T đã bắn anh T2*” nên anh T1 trốn vào nhà vệ sinh tầng 4. T không nhìn thấy hình ảnh anh T1 trên màn hình Camera giám sát nên cầm súng chạy lên tầng 3 và tầng 4 Hotel H vừa tìm vừa gọi: “*T1 ơi mày đâu*”. Khi không tìm thấy anh T1, T cài giấu khẩu súng vào cặp quần bên phải, số đạn còn lại T vẫn để trong túi quần bên trái rồi chạy xuống tầng 1, ra phía trước cửa quán K1 gọi xe taxi. Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1986, HKTT: Tiểu khu P, huyện P, thành phố Hà Nội là lái xe hãng taxi 123 lái đến đón T. T lên xe bảo anh M đưa lên khu vực thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang rồi xuống xe trốn vào phòng 304, nhà nghỉ Đ1 thuộc tổ D, thị trấn N, huyện T,

tỉnh Bắc Giang. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/01/2023 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ:

1.1 Thu giữ trên người Lê Nguyễn Minh T khi thực hiện lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp: 01 con dao loại dao gập bằng kim loại, màu xám, dài 22,5cm, phần lưỡi dao dài 10cm, bản lưỡi dao rộng nhất 3cm, phần chuôi dao dài 12,5cm.

1.2 Thu giữ tại phòng 304, nhà nghỉ Đ1:

+ 01 khẩu súng, trên thân súng có dòng chữ “Made in USARMY NO 1255555”; bên trong hộp tiếp đạn có 02 viên đạn hình trụ, mặt dưới vỏ đạn có ký tự “REM-UMC 45 ACP”

+ 09 viên đạn hình trụ, màu vàng, kích thước (11,43 x 23)mm mặt dưới vỏ đạn cùng có ký tự “REM-UMC 45 ACP”;

+ 01 dao nhọn, dài 32,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, bản lưỡi dao chỗ rộng nhất 2,5cm, chuôi dao bằng nhựa dài 12,5cm;

+ 01 dao nhọn, dạng dao chọc tiết lợn dài 30cm, phần lưỡi dao bằng kim loại sáng màu, dài 18cm, bản lưỡi dao chỗ rộng nhất 4,9cm, chuôi dao bằng nhựa dài 12cm.

1.2 Thu giữ tại phòng trọ ở khu phố N, phường Đ: 01 khẩu súng màu đen, thân súng có chữ “FX airguns” và “Cricket-Z100” cùng 206 viên kim loại hình trụ, hình nấm. Mẫu vật niêm phong gửi đi giám định .

2. Kết quả khám nghiệm hiện trường:

2.1 Hiện trường chung: Quán K1 - Hotel H, địa chỉ: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Quán K1 cửa ra vào mở về hướng T, hướng ra đường Quốc lộ 1A cũ. Hotel H cửa ra vào mở về hướng Đông Nam thuộc ngõ C, Minh K, Đ, T, Bắc Ninh.

- Các vị trí tiếp giáp của quán K1:

Hướng Tây Bắc: Tiếp giáp đường QL 1A cũ;

Hướng Đông Bắc: Tiếp giáp cửa hàng trái cây nhập khẩu H.Fruits;

Hướng Đông Nam: Tiếp giáp K1;

Hướng Tây Nam: Tiếp giáp cửa hàng D1;

- Các vị trí tiếp giáp của Hotel H

Hướng Tây Bắc: Tiếp giáp quán K1;

Hướng Đông Bắc: Tiếp giáp hộ gia đình bà Nguyễn Thị N;

Hướng Tây Nam: Tiếp giáp hộ gia đình ông Nguyễn Văn H1;

Hướng Đ: Tiếp giáp đường bê tông ngõ C, Minh K, kế tiếp là hộ gia đình bà Nguyễn Thị H2.

2.2 Hiện trường chi tiết:

2.2.1 Hiện trường Hotel H: 8 tầng, xây gạch, trần bê tông. Cửa ra vào gồm 02 lớp, lớp ngoài là cửa cuốn, lớp cửa trong tương ứng với lớp phía ngoài gồm 04 cánh cửa kính đẩy từ ngoài vào trong kích thước (4,3 x 2,8)m. Tầng 1

theo thứ tự từ cửa vào là phòng khách, quầy thu ngân hình chữ L, cầu thang bộ, cầu thang máy, nhà kho, khu công trình phụ và lối đi thông sang quán K1. Khu vực phòng khách, kích thước (5,3 x 25,5)m. Tại vị trí cách cửa ra vào 12m, cách mép tường hướng Tây Nam 2,6m có 01 quầy thu ngân hình chữ L, cao 1,15m. Cạnh hướng Đông Bắc dài 2,6m, cạnh hướng T dài 2,15m, phần mặt quầy phía bên trong rộng 0,52m, cao 0,7m. Cạnh hướng Đông Bắc, cách mép tường 0,1m, cạnh hướng T cách mép cầu thang bộ 0,77m. Phía bên trong quầy, vị trí cách mép tường hướng Đông Bắc 0,5m, cách cầu thang bộ 0,8m có 01 ghế da dài, tựa lưng màu đen, kích thước (1,4 x 0,5)m, cao 0,36m, tựa lưng cao hơn so với mặt ghế 0,5m. Phía sau ghế da này, sát mép tường hướng Đông Bắc có kê 01 kết sắt. Mặt nền giữa ghế da và quầy thu ngân phát hiện đám dầu vết màu nâu đỏ dạng chảy loang, quệt, nhỏ giọt, kích thước (1,8 x 1,2)m, ký hiệu vị trí số 1.

Tại vị trí cách mép cầu thang 0,2m, cách mép tường phía Đông Bắc 0,9m có 01 ghế tựa, xoay, mặt ngồi ghế kích thước (0,45 x 0,5)m, cao 0,55m, bề mặt bám dính chất màu nâu đỏ dạng thấm, tựa lưng ghế cao 1,1m. Xung quanh trụ xoay, đế, con lăn chân ghế bám dính chất màu nâu đỏ dạng bắn, ghế tựa xoay cách ghế da dài màu đen 0,1m. Cạnh ghế tựa xoay về hướng T có 01 thùng đựng rác, mặt ngoài thùng rác bám dính chất màu nâu đỏ dạng bắn. Tại vị trí cách mép tường hướng T 2,1m, cách mép tường hướng Đông Bắc 2,3m có 01 ghế kim loại, mặt ngồi hình tròn màu trắng sáng, kích thước: Đường kính 0,26m, cao 0,45m, bề mặt phía dưới ghế bám dính chất màu nâu đỏ dạng bắn. Trên mặt cạnh hướng T quầy thu ngân, vị trí cách mép ngoài hướng Đông Bắc 0,27 m, cách mép ngoài hướng T 1,25m phát hiện 02 (hai) vật kim loại nằm cạnh nhau, hình dạng giống vỏ đạn, bên trong có bám dính muội đen dài 1,2cm, đường kính 1,2cm, một trong hai vật trên bị nứt, vỡ thành cạnh, mặt ngoài đầu kín của hai vật này có ký tự REM-EMC 45-ACP, ký hiệu vị trí số 2.

Trên mặt nền phòng khách, vị trí cách mép tường phía T 0,1m, cách mép cửa ra vào 11,2m phát hiện 01 (một) vật kim loại màu vàng đồng, hình dạng giống đầu đạn, một đầu bo tròn, đường kính đáy 1,14 cm, dài 0,6cm, bề mặt vật này có một số đường xước dạng đường thẳng song song, ký hiệu vị trí số 3.

Trên mặt nền từ vị trí ký hiệu số 1 tới cửa ra vào, ra phía ngoài sân có một số dấu vết in hình dấu giày, dép màu nâu đỏ, hướng từ quầy thu ngân ra phía ngoài cửa. Dấu vết in hình dấu giày, dép đo được dài 29 cm, rộng gót 10,5cm, rộng dưới ngón 10cm, trên diện (18,2 x 1,2)m, ký hiệu vị trí số 4.

Kiểm tra ghế da dài màu đen tại khu vực quầy thu ngân thấy: Tựa lưng của ghế, vị trí cách mép mặt ngồi 3cm, cách mép ngoài hướng T 0,45m có 01 lỗ thủng, kích thước (1,2 x 1,2)cm làm rách lớp da ngoài màu đen, xuyên vào bên trong, diện da bị rách xung quanh lỗ thủng nhăm nhở, chiều hướng từ hướng T - Đ, hơi chệch chéo từ trên xuống dưới. Mặt ghế, mặt tựa lưng xung quanh vị trí này bám dính chất màu nâu đỏ dạng quệt, bắn, diện (0,3 x 0,5)m. Bên trong ghế, tại vị trí cách mặt nền 0,33m, cách mép ngoài hướng T 0,49m phát hiện 01 viên kim loại màu vàng đồng có kích cỡ và hình dạng tương tự với viên kim loại tại vị trí số 3, viên kim loại này gắn vào dầm, mộng gỗ của ghế. Phần mộng ghế xung quanh viên này có dấu vết vỡ, bong, ký hiệu vị trí số 5.

Kế tiếp khu vực thu ngân là vách ngăn, phía sau vách ngăn là cầu thang bộ dẫn lên tầng trên. Cầu thang bộ xây bao quanh thang máy. Mặt ngoài thang máy, hướng thang bộ từ tầng một lên chiều nghỉ, vị trí cách mép ngoài thang máy 1,3m, cách mép bậc cầu thang 0,9m có một số dấu vết đường vân màu nâu đỏ, dấu vết màu nâu đỏ in hình bàn tay, diện (0,2 x 0,15)m. Mặt bậc cầu thang từ tầng 2 lên tầng 3, phát hiện dấu vết màu nâu đỏ, dạng quệt, kích thước (0,1 x 0,15)m (*dấu vết đường vân nhòe, không thu giữ*). Tại vách cầu thang bộ tầng 1, vị trí cách chiều nghỉ tầng một 1,7m phát hiện 01 mắt Camera màu trắng hướng về phía quầy thu ngân, kiểm tra bên trong Camera có 01 thẻ nhớ màu đen, nhãn hiệu “EZVIZ”, dung lượng 32GB, loại thẻ micro SD. Góc phía Tây có 01 cửa kích thước (1,2 x 2,3)m, mở đi thông sang quán K1, hành lang đi từ Hotel H sang quán K1 rộng 2,2m.

2.2.2 Hiện trường quán K1: Cửa ra hướng Tây gồm 02 lớp cửa, lớp ngoài là cửa cuốn, lớp trong là cửa kính, kích thước (4,8 x 2,5)m. Bên trong quán, kích thước (5 x 21,5)m, xây gạch, trần bê tông, xây 03 tầng kiên cố. Góc phía Đông của quán có 01 cửa kích thước (1,2 x 2,2)m mở thông sang Hotel H. Tại quán K1 không phát hiện dấu vết gì.

Đồ vật, dấu vết và mẫu vật thu giữ tại hiện trường:

Thu dấu vết màu nâu đỏ tại vị trí số (1);

Thu 02 vật kim loại tại vị trí số (2);

Thu 02 viên kim loại tại vị trí số (3), (5);

Thu giữ 01 thẻ nhớ nhãn hiệu “EZVIZ”, dung lượng 32GB tại mắt Camera hướng về phía quầy bar của Hotel Hương X1.

Ngày 11/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh B, VKSND tỉnh B phối hợp Phòng K2 Công an tỉnh B, Công an thành phố T dẫn giải bị can xác định hiện trường cất giấu khẩu súng Colt 45, số đạn dùng cho súng. Bị can đã xác định vị trí cất giấu khẩu súng và đạn dưới khu vực gốc cây đa Đình Thụ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

3. Kết quả khám nghiệm tử thi:

3.1 Khám ngoài: Nhận dạng tử thi là nam giới, được xác định là anh Vũ Văn T2, sinh năm 1990, trú tại: Tổ A, H, D, Hải Phòng. Chiều dài đỉnh - gót 1,66m. Thể tạng bình thường. Mặc ngoài áo khoác dài tay màu đen; toàn bộ thân áo phía trước và ống tay áo bên trái có nhiều chất màu nâu đỏ dạng thấm; túi áo phía trước bên trong ngực trái có 02 phong bì (01 phong bì tại mục người gửi có ghi chữ N P) bên trong phong bì có 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; phong bì còn lại không ghi chữ, bên trong có 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; mặt ngoài 02 phong bì thư dính chất màu nâu đỏ. Trong mặc áo cộc tay màu đen, toàn bộ áo có bám dính chất màu nâu đỏ. Mặc quần dài màu đen; túi quần phía trước bên phải có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 09 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; túi quần phía trước bên trái có 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. Trong mặc quần lót nền xanh, hoa văn màu đen.

3.1.1 Các dấu vết tổn thương: Vùng đầu, mặt: Vùng thái dương bên phải cách trên đỉnh vành tai phải 5cm, sau đường chân tóc trán 10cm có vết thương rách da hình tròn, đường kính 0,6cm (*vết 1*), xung quanh sây sát da hình tròn đồng tâm với vết thương rách da, đường kính 1,1cm, tổ chức thành vết thương dập nát. Vùng thái dương bên phải cách trên đỉnh vành tai phải 3,5cm, sau đường chân tóc trán 05cm có vết thương rách da hình tròn, đường kính 0,6cm (*vết 2*), xung quanh sây sát da hình tròn đường kính 1,1cm, phần sây sát da ở phía sau nhiều hơn ở phía trước, phía trên nhiều hơn ở phía dưới. Toàn bộ vùng thái dương, vành tai phải, gò má phải có nhiều vết thủng da nhỏ, rải rác trên diện (20 x 14)cm, các vết thủng da tập trung nhiều hơn quanh vết thủng da cách xa nhất ở phía trước thuộc vùng sống mũi bên phải, cách trung tâm (*vết 2*) 14,5cm; các vết thủng da này về phía dưới và phía trước xa hơn ở phía trên và phía sau; vết 1 và vết 2 có cùng chiều hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới, hơi chệch từ sau ra trước. Vùng thái dương bên trái cách đầu ngoài mắt trái 3,5cm, có vết thương rách da, kích thước (2,2 x 0,5)cm, bờ mép phía trước của vết thương có phần rách da, kích thước (0,2 x 0,1)cm, mép phía sau của vết thương có phần rách da, kích thước (0,5 x 0,1)cm, tổ chức thành vết thương dập nát (*vết 3*). Vùng gò má trái cách dưới (*vết 3*) 3cm, có vết thương rách da, kích thước (2 x 0,4)cm, (*vết 4*) tính chất tương tự như (*vết 3*). Hai mắt nhắm, niêm mạc nhợt nhạt, hai nhãn cầu không phát hiện tổn thương. Hai lỗ tai, hai lỗ mũi và miệng có máu chảy ra khi thay đổi tư thế. Môi tái nhợt. Răng, lợi, lưỡi không phát hiện tổn thương.

3.1.2 Vùng cổ, ngực, bụng, lưng, mông, cơ quan sinh dục: Không phát hiện tổn thương.

3.2 Khám trong: Tụ máu dưới da vùng thái dương phải, diện (11 x 8)cm; tụ máu vùng cơ thái dương tương ứng với (*vết 1*), kích thước (6 x 6,5)cm; tụ máu cơ thái dương vùng quanh (*vết 2*), kích thước (3 x 3,2)cm; tụ máu vùng thái dương trái quanh (*vết 3*), kích thước (4 x 3,5)cm; tụ máu dưới da vùng má trái quanh (*vết 4*), kích thước (6 x 5,5)cm. Thủng xương hộp sọ vùng thái dương phải tương ứng với (*vết 1*), kích thước (1,1 x 1,25)cm, phần tổ chức não phía trong xung quanh vết thương có bám dính một số mảnh xương hộp sọ nhỏ. Thủng xương hộp sọ tương ứng với (*vết 2*), kích thước (1,2 x 1,9)cm, xung quanh có các đường vỡ xương tập trung nhiều ở phía trước và bên dưới diện (7 x 6,5)cm, phần tổ chức não xung quanh vết thủng xương có một số mảnh xương nhỏ. Thủng xương vùng thái dương trái tương ứng với (*vết 3*), kích thước (1,9 x 1,6)cm, phần cơ thái dương quanh vết thủng xương có nhiều mảnh xương nhỏ, thủng xương thành ngoài xoang hàm trên bên trái tương ứng (*vết 4*), kích thước (2 x 1,6)cm, phần cơ phía ngoài có bám dính một số mảnh xương. Rách màng cứng tương ứng với (*vết 1*), (*vết 2*), (*vết 3*) kích thước (1,2 x 1,4)cm, (4,5 x 2,5)cm; (1,2 x 1,5)cm. Rách màng cứng phía bên phải thân xương bướm tương ứng với nền sọ giữa, kích thước (1,5 x 1,4)cm. Dập nát tổ chức não vùng thái dương phải tương ứng (*vết 1*) tạo phần rãnh thương thông với (*vết 3*). Tổ chức não phần vùng rãnh thương dập nát và có dính một vài mảnh xương nhỏ; dập nát tổ chức não vùng thái dương phải, tương ứng với (*vết 2*), tạo rãnh thương thông

với vết vỡ xương bướm và (vết 4). Tổ chức não rãnh thương dập nát và có dính một vài mảnh xương. Chảy máu lan tỏa màng mềm vùng mặt dưới qua thân não. Trong các não thất có ít máu loãng. Lòng thực quản và khí quản có ít máu loãng. Hai phổi phù, bề mặt phổi có nhiều mảng xuất huyết, mặt cắt phổi có nhiều dịch bọt. Bao tim còn nguyên vẹn, tim không phát hiện tổn thương. Các tạng trong khoang ổ bụng không phát hiện tổn thương. Quá trình khám nghiệm thu giữ mẫu: máu, thức ăn trong dạ dày, móng tay, phủ tạng (não, tim, gan, phổi) niêm phong gửi giám định.

4. Kết quả trung cầu giám định:

4.1 Nguyên nhân chết của anh Vũ Văn T2, cơ chế và chiều hướng dáu vết:

Tại Kết luận giám định tử thi số 969/KL-KTHS, ngày 04/5/2023, Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

“ Nguyên nhân chết của Vũ Văn T2: Vết thương thấu sọ, mặt làm vỡ xương hộp sọ, dập nát tổ chức não.

Kết luận khác:

Cơ chế, chiều hướng hình thành dáu vết và vật gây nên vết thương:

04 vết thương rách da hình tròn vùng thái dương phải và trái (vết 1, vết 2, vết 3, vết 4) là do vật tày thiết diện tròn, động năng lớn tác động trực tiếp theo chiều từ phải sang trái, từ trên xuống dưới và từ sau ra trước gây ra và tạo ra vết rách da vùng thái dương bên trái;

Các vết rách da nhỏ xung quanh vết 1, vết 2 là do các vật nhỏ li ti, động năng lớn có nhiệt lượng cao tác động trực tiếp gây ra.

Về đối tượng giám định: Khẩu súng dài 22cm, trên thân có số ký hiệu “NO 1255555” là súng ngắn Colt 45, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được. Gửi giám định khi dùng bắn vào vùng thái dương bên phải có thể tạo ra vết thương”.

4.2 Giám định mô bệnh học, độc chất đối với mẫu thu được trong quá trình khám nghiệm tử thi Vũ Văn T2:

Tại Bản kết luận giám định mô bệnh học và độc chất phủ tạng số 495/KL-KTHS, ngày 10/02/2023, V2 Bộ C3 kết luận:

“1. Mô bệnh học:

Hình ảnh các tạng kém tươi máu; não xuất huyết rải rác trong nhu mô; phổi xẹp, xuất huyết rải rác; tụ máu dưới da đầu vùng thái dương phải.

2. Độc chất, cồn, ma túy:

Trong mẫu phủ tạng, dịch dạ dày, máu ghi thu của tử thi Vũ Văn T2 gửi giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp: Cyanide (CN⁻) Methanol, thuốc diệt chuột (các muối phot phua, F, T8, nhóm chống đông máu), hóa chất bảo vệ thực vật (Phospho hữu cơ, C1 hữu cơ, C2, P1 và D, G, N1), alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, quinin, ô đầu - phụ tử; các chất an thần gây ngủ, kim loại nặng độc.

Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Vũ Văn T2 gửi giám định không tìm thấy E (côn); có tìm thấy MDMA, Methamphetamine, Ketamine.

Trong mẫu máu ghi thu của đối tượng Lê Nguyễn Minh T gửi giám định không tìm thấy E (côn); có tìm thấy MDMA”

4.3 Giám định súng, đạn:

4.3.1 Tại Kết luận giám định số 423/KL-KTHS, ngày 07/02/2023, V2 Bộ C3 kết luận:

“ Khẩu súng dài 22cm, trên thân có số ký hiệu: "N0 1255555" là súng ngắn Colt 45, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được.

Khẩu súng dài 55cm trên súng có ký hiệu: "FXairguns Cricket Z-1000" là súng hơi bắn đạn chì cỡ 5,5mm, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được.

11 viên đạn, 02 đầu đạn và 02 vỏ đạn gửi giám định là đạn, đầu đạn và vỏ đạn của loại đạn quân dụng cỡ 11,43x23mm, sử dụng lắp bắn được cho khẩu súng dài 22cm nêu trên.

02 đầu đạn và 02 vỏ đạn gửi giám định là do khẩu súng dài 22cm nêu trên bắn ra”.

4.3.2 Tại Kết luận giám định số 4409 /KL-KTHS, ngày 26/6 /2023, V2 Bộ C3 kết luận:

“206 viên kim loại gửi giám định là đạn chì hình nấm, hình trụ cỡ 5,5mm, thuộc súng săn, sử dụng lắp bắn được cho súng hơi cỡ nòng 5,5mm”

4.4 Giám định dữ liệu file video trong thẻ nhớ ký hiệu “EZVIZ 32GB” thu tại hiện trường: Tại Kết luận giám định số 1027, ngày 10/5/2023, Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

“ Trích xuất được file Video hiv00096.mp4 dung lượng 256 MB, có mã MD5: 17b1bcec9216925074cc379a08906df6 từ thẻ nhớ gửi giám định liên quan đến vụ việc xảy ra ngày 13/01/2023, (file video trích xuất được lưu trong đĩa DVD kèm theo kết luận giám định). File Video hiv00096.mp4 dung lượng 256 MB, có mã MD5: 17b1bcec9216925074cc379a08906df6 trích xuất được từ thẻ nhớ gửi giám định không có dấu hiện cắt ghép, chỉnh sửa, biên tập lại”.

4.5 Giám định ADN: Tại Kết luận giám định số 4421/KL-KTHS, ngày 26/6/2023, V2 Bộ Công an kết luận: *“Trên khẩu súng cùng hộp tiếp đạn gửi giám định có bám dính ADN lẫn của nhiều người, không phân tích được kiểu gen của từng người”.* Khẩu súng gửi giám định là súng Colt;

5. Kết quả nhận dạng hình ảnh:

5.1 Đoạn Video trích xuất được từ thẻ nhớ, ký hiệu EZVIZ, 32G: Cho Lê Nguyễn Minh T xem đoạn Video trích xuất được từ thẻ nhớ, ký hiệu EZVIZ, 32G thu giữ từ Camera giám sát tại sảnh tầng 1, Hotel H, Lê Nguyễn Minh T khẳng định nội dung trong đoạn Video là diễn biến, quá trình Lê Nguyễn Minh T sử dụng súng ngắn bắn vào đầu anh Vũ Văn T2 02 phát, tại vị trí quầy bar ở sảnh tầng 1 Hotel H và ký xác nhận vào bản ảnh trích xuất từ đoạn video.

5.2 Khẩu súng Colt 45: Lê Nguyễn Minh T đã nhận dạng và khẳng định chính khẩu súng Colt thu được trong quá trình điều tra là khẩu súng Colt mà T đã mua, cất giấu và sử dụng bắn anh T2. Cho T thực hành tháo hộp đạn, lắp đạn, lên đạn, tháo hóc vỏ đạn và siết cò bằng mô hình súng Colt 1911 bằng nhựa, T thực hiện được.

6. Vật chứng, đồ vật, tài sản và tài liệu đã thu giữ: 29 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 09 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (*thu giữ trên người nạn nhân Vũ Văn T2 trong quá trình khám nghiệm tử thi*). 01 khẩu súng Colt 45; 11 viên đạn hình trụ, màu vàng, kích thước (11,43 x 23)mm; 01 dao nhọn, dài 32,5cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, bản lưỡi dao chỗ rộng nhất 2,5cm, chuôi dao bằng nhựa dài 12,5cm; 01 dao nhọn, dạng dao chọc tiết lợn dài 30cm, phần lưỡi dao bằng kim loại sáng màu, dài 18cm, bản lưỡi dao chỗ rộng nhất 4,9cm, chuôi dao bằng nhựa dài 12cm; 01 con dao loại dao gấp bằng kim loại, màu xám, dài 22,5cm, phần lưỡi dao dài 10cm, bản lưỡi dao rộng nhất 3cm, phần chuôi dao dài 12,5cm (*thu giữ khi khám xét tại phòng 304, nhà nghỉ Đ1 thuộc tổ D, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang nơi T trốn*). 01 khẩu súng màu đen, dài 55cm trên súng có ký hiệu: "FXairguns Cricket Z-1000" (*thu giữ khi khám xét tại khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh là phòng trọ của Lê Nguyễn Minh T*). Thu giữ 01 thẻ nhớ nhãn hiệu "EZVIZ", dung lượng 32GB (*tại máy Camera hướng về phía quầy bar của Hotel H*).

- Xử lý vật chứng: Ngày 12/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại 29 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 09 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho chị Trần Thị Hoài L (*vợ của bị hại Vũ Văn T2*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2023/HS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn Minh T phạm tội "Giết người" và tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 14; Điều 38; Điều 40; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Minh T tử hình về tội "Giết người" và 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là tử hình.

Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Nguyễn Minh T để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, bị cáo Lê Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Nguyễn Minh T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Khai báo thành khẩn, bị cáo cho rằng đi tìm anh T1 để nói chuyện không có ý định giết anh T1 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị B khai: Bà đã thay mặt gia đình đến thăm hỏi gia đình bị hại, thấp hương và gửi cho chị Trần Thị Hoài L vợ bị hại Vũ Văn T2 tổng số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo. Đại diện gia đình bị hại là chị Trần Thị Hoài L xác nhận lời khai của bà B và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo tuổi đời còn trẻ, suy nghĩ bồng bột, đặc biệt do chị cảm thông với mẹ của bị cáo vì cùng là phụ nữ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tử hình về tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là tử hình là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, đại diện bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, với tính chất côn đồ, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Đại diện gia đình bị hại là chị Trần Thị Hoài L có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá tình tiết này. Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại tổng số tiền 45.000.000 đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo có hành vi giết 02 người là anh T2 và anh T1, tuy nhiên, hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện bị cáo có ý định giết anh T1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống mức hình phạt tù chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Minh T trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng của tỉnh Bắc Ninh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Nguyễn Minh T tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án

nếu: Vật chứng được thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết quả giám định tử thi; phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

[3.1] Khoảng đầu năm 2019, bị cáo Lê Nguyễn Minh T đến làm thuê cho quán K1 ở phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. T cho rằng các anh Vũ Văn T2, Đỗ Văn T1 cũng là người làm thuê cho quán K1, xúc phạm, cạnh khố T. Anh T2 còn đe dọa giết T và gia đình T. Vì vậy, khoảng đầu tháng 12/2022 T đến cửa khẩu Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn mua được 01 khẩu súng quân dụng, loại súng Colt 45 và 16 viên đạn; 01 khẩu súng săn và 206 viên đạn chì. T cất giấu khẩu súng Colt 45 cùng 16 viên đạn ở khu vực gốc cây đa trong Đ, phường Đ, thành phố B còn khẩu súng săn và đạn chì T để ở phòng trọ ở khu phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Tối ngày 12/01/2023 T mang theo khẩu súng Colt 45 và toàn bộ số đạn đã mua được về thành phố N gặp bạn là anh V1, anh P thì xảy ra mâu thuẫn. T đã sử dụng súng bắn 02 phát vào đầu anh V1 làm anh V1 chết (*hành vi này đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử*). Sau khi giết chết anh V1, T cất, giấu súng vào cặp quần bên phải, để toàn bộ số đạn còn lại trong túi quần bên trái đi xe taxi về thành phố B. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày T về đến quán K1 và gặp anh T2 đang ngồi tại quầy thu ngân Hotel H cùng vợ là chị L. Tại đây T và anh T2 nói chuyện với nhau về mâu thuẫn giữa T và anh T2, sau đó T dùng tay phải lấy súng từ cặp quần ra rồi chuyển sang cầm súng bằng tay trái là tay thuận của T bắn 02 phát đạn vào đầu anh T2 làm anh T2 chết ngay tại chỗ. Tiếp đó T tìm kiếm anh T1 qua hình ảnh Camera giám sát và các tầng 3, tầng 4 của K1 để bắn anh T1 nhưng không thấy do anh T1 đã nhìn thấy T sử dụng súng bắn chết anh T2 và đang đi lên các tầng phía trên Hotel H nên đã trốn vào nhà vệ sinh tầng 4. Không tìm được anh T1, lo sợ bị bắt nên T mang theo khẩu súng Colt 45 trong hộp tiếp đạn đã nạp 02 viên đạn cùng 09 viên đạn; 03 con dao bắt xe taxi đến lần trốn trong phòng 304, nhà nghỉ Đ1 thuộc tổ D, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi giết anh T2, bị cáo đã có hành vi giết anh V1 tại tỉnh Nam Định. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/01/2023 T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bắt giữ. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo về tội “Giết người” quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là chính xác, đúng pháp luật.

“Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;
- n) Có tính chất côn đồ”.

“Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính nhưng chưa chấp hành; nhân thân xấu có nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, cất giấu không giao nộp vũ khí. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho phía gia đình anh T2 số tiền 10.000.000 đồng; mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị B hiện đang thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Văn N2 có xác nhận của Ủy ban xã Q; ông nội bị cáo là cụ Lê Kim X2 được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt: Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại là chị Trần Thị Hoài L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mẹ bị cáo đã gửi cho chị Trần Thị Hoài L tổng số tiền 45.000.000 đồng xét thấy chỉ là một phần nhỏ để khắc phục hậu quả khi so sánh với tổn thất của gia đình bị hại khi tính mạng của anh T2 không còn, do đó Hội đồng xét xử đánh giá chưa đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: “Tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả” như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, mà chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Hình phạt tử hình mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo trong tội “Giết người” và 03 năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” là tương xứng với nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt và các nguyên tắc áp dụng hình phạt. Ngay sau khi giết anh V1 tại tỉnh Nam Định, bị cáo lập tức quay trở lại thành phố T tước đoạt tính mạng của anh T2 thể hiện sự manh động, coi thường tính mạng người khác, không còn khả năng giáo dục. Hình phạt tử hình áp dụng với bị cáo không chỉ nhằm trừng trị nghiêm khắc đối với bị cáo mà còn đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục người khác ý thức tuân thủ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị hại về việc giảm nhẹ hình phạt. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Minh T về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2023/HS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh như sau.

Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 14; Điều 38; Điều 40; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Minh T: Tử hình về tội “Giết người” và 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là hình phạt: Tử hình.

2. Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Nguyễn Minh T để bảo đảm thi hành án.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật (12/4/2024), bị cáo Lê Nguyễn Minh T được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- TTG - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh